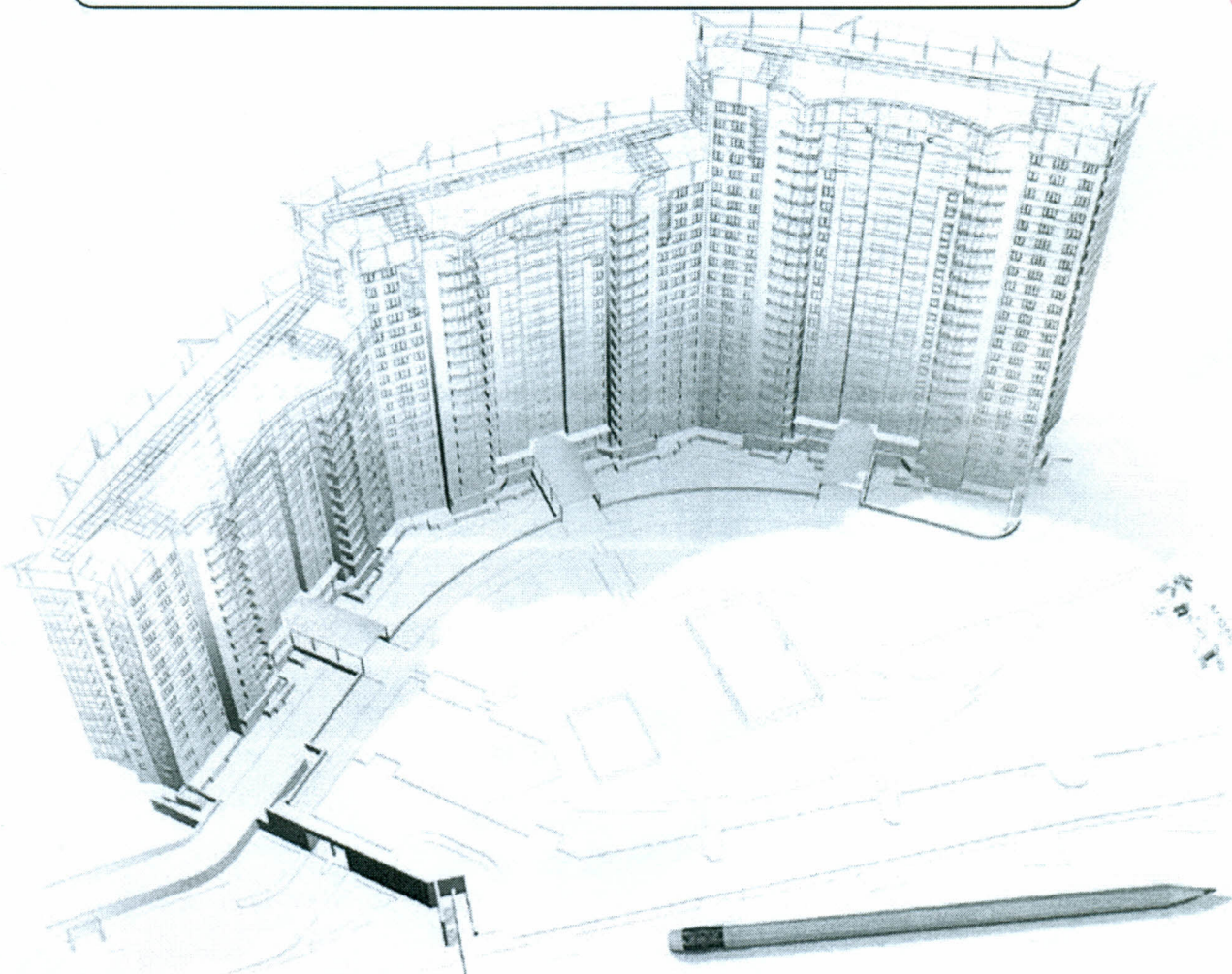


ĐÔNG 
SAIGON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 02 NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015	2 - 3
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 02 năm 2015	4
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý 02 năm 2015	5
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 02 năm 2015	6 – 20

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 02 năm 2015

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		201.605.877.644	128.740.684.747
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		63.880.671.405	5.494.322.246
1. Tiền	111	V.01	29.880.671.405	1.494.322.246
2. Các khoản tương đương tiền	112		34.000.000.000	4.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100.318.351.218	85.791.426.698
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	83.729.820	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	3.669.775.868	1.340.721.868
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	96.570.356.530	84.456.215.830
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(5.511.000)	(5.511.000)
IV. Hàng tồn kho	140		35.995.831.872	36.953.380.713
1. Hàng tồn kho	141	V.06	35.995.831.872	36.953.380.713
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.411.023.149	501.555.090
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	1.336.006.343	212.237.990
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			286.859.685
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		75.016.806	2.457.415
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.675.345.911.504	1.712.148.898.144
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		305.725.100.107	385.725.100.107
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.08	305.543.840.107	385.543.840.107
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.09	181.260.000	181.260.000
II. Tài sản cố định	220		8.717.329.019	9.704.623.751
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	8.717.329.019	9.704.623.751
Nguyên giá	222		17.803.961.313	17.803.961.313
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.086.632.294)	(8.099.337.562)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.292.438.058.877	1.248.259.896.385
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	1.292.438.058.877	1.248.259.896.385
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		66.272.819.619	66.272.819.619
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	28.000.000.000	28.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	38.302.592.761	38.302.592.761
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.14	(29.773.142)	(29.773.142)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.192.603.882	2.186.458.282
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	2.192.603.882	2.186.458.282
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.876.951.789.148	1.840.889.582.891

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, xã Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

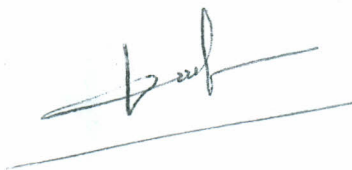
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.215.724.545.470	1.175.467.454.791
I. Nợ ngắn hạn			203.342.574.533	170.124.338.681
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	1.156.947.860	1.484.303.489
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.20	847.200	847.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	560.925.767	23.952.390
4. Phải trả người lao động	314	V.17	611.048.099	31.678.790
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	198.363.584.478	167.070.576.380
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	2.417.791.962	1.281.551.265
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		231.429.167	231.429.167
II. Nợ dài hạn	330		1.012.381.970.937	1.005.343.116.110
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.20	3.981.319.523	5.343.116.110
3. Phải trả dài hạn khác	337		8.400.651.414	
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		661.227.243.678	665.422.128.100
I. Vốn chủ sở hữu	410		661.227.243.678	665.422.128.100
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		660.000.000.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660.000.000.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(4.710.000.000)	(4.710.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.720.021.642	2.720.021.642
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.217.222.036	7.412.106.458
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.412.106.458	16.673.869.216
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.194.884.422)	(9.261.762.758)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.876.951.789.148	1.840.889.582.891

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Khương Nguyễn Đức Huy

Nhơn Trạch, ngày 10 tháng 07 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

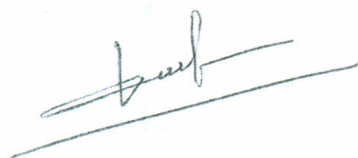
Quý 02 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 02		Lũy kế đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	5.158.691.764	672.715.100	5.833.873.112	2.468.465.100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.158.691.764	672.715.100	5.833.873.112	2.468.465.100
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	4.177.550.044	365.983.100	4.672.030.408	1.671.092.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		981.141.720	306.732.000	1.161.842.704	797.373.049
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.540.337.484	8.789.350	1.552.869.908	17.920.012
7. Chi phí tài chính	22		-	48.977.021	-	48.977.021
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.04	561.103.557	886.481.584	1.231.195.234	1.503.745.940
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	2.784.092.613	2.598.280.388	5.678.515.200	4.801.728.529
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(823.716.966)	(3.218.217.643)	(4.194.997.822)	(5.539.158.429)
11. Thu nhập khác	31	VI.06	113.400	56.581.022	2.885.400	205.159.392
12. Chi phí khác	32	VI.07	-	42.807.680	2.772.000	190.485.600
13. Lợi nhuận khác	40		113.400	13.773.342	113.400	14.673.792
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(823.603.566)	(3.204.444.301)	(4.194.884.422)	(5.524.484.637)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51				-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(823.603.566)	(3.204.444.301)	(4.194.884.422)	(5.524.484.637)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(13)	(49)	(64)	(84)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	(13)	(49)	(64)	(84)

Nhơn Trạch, ngày 10 tháng 07 năm 2015

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Khương Nguyễn Đức Huy

TỔNG GIÁM ĐỐC



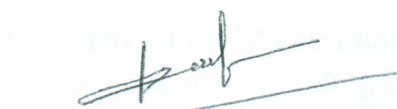
Nguyễn Văn Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 02 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(4.194.884.422)	(5.524.484.637)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.10	987.294.732	1.011.537.671
- Các khoản dự phòng	03			48.977.021
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.552.869.908)	(17.920.012)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.760.459.598)	(4.481.889.957)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.240.064.835)	(451.265.287)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		957.548.841	(10.828.551.575)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp).	11		9.227.904.986	4.890.591.103
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.129.913.953)	(248.683.800)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(72.559.391)	(41.094.739)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			(1.041.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.017.543.950)	(12.201.894.255)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.848.976.799)	(33.847.207.459)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		80.000.000.000	52.551.975.193
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.552.869.908	17.920.012
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		68.703.893.109	18.722.687.746
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(300.000.000)	(40.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(300.000.000)	(40.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		58.386.349.159	6.480.793.491
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.01	5.494.322.246	4.133.648.181
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	63.880.671.405	10.614.441.672

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Khương Nguyễn Đức Huy

Nhơn Trạch, ngày 10 tháng 07 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số

200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC
Quý 2 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Đầu tư, Sản xuất - chế biến, Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Đầu tư, xây dựng, kinh doanh nhà, bất động sản, khu vui chơi giải trí, hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp...; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi...; Khai thác, mua bán đất đá, sỏi; Sản xuất, mua bán cây giống, cây kiểng, hoa các loại; Trồng và chăm sóc cây cao su, chế biến mủ cao su, bán buôn cao su.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Hoạt động chính của Công ty trong năm là tập trung chủ yếu vào hoạt động đầu tư dự án Khu dân cư Phú Thạnh – Long Tân.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là năm tài chính thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: Chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, bao gồm: Phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay và phải thu ngắn hạn khác.

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản ngắn hạn khác

Các tài sản ngắn hạn khác có thời hạn thu hồi hoặc sử dụng không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo, như chi phí trả trước ngắn hạn, thuế GTGT còn được khấu trừ, các khoản thuế phải thu, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và tài sản ngắn hạn khác tại thời điểm báo cáo.

7. Các khoản phải thu dài hạn

Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh tại thời điểm báo cáo, như: Phải thu của khách hàng, vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc, phải thu nội bộ, phải thu về cho vay, phải thu khác.

Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

8. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 10
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

9. Tài sản dở dang dài hạn

Tài sản dở dang dài hạn là giá trị chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn và chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn.

10. Đầu tư tài chính dài hạn

Tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm báo cáo như: Đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) và nhà đầu tư có khả năng mất vốn tại thời điểm báo cáo, mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

11. Tài sản dài hạn khác

Tổng giá trị các tài sản dài hạn khác có thời hạn thu hồi hoặc sử dụng trên 12 tháng tại thời điểm báo cáo bao gồm: Chi phí trả trước dài hạn, tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thiết bị phụ tùng thay thế dài hạn và tài sản dài hạn khác.

12. Nợ ngắn hạn

Tổng giá trị các khoản nợ còn phải trả có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc dưới một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường, như: Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, phải trả người bán, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả nội bộ, doanh thu chưa thực hiện, dự phòng phải trả...

13. Nợ dài hạn

Tổng giá trị các khoản nợ dài hạn của doanh nghiệp bao gồm những khoản nợ có thời hạn thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo, như: Khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, các khoản phải trả dài hạn khác, vay và nợ thuê tài chính dài hạn...

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của bao gồm các khoản vốn kinh doanh thuộc sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn, như: Vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, chênh lệch đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá..., trong đó:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo đối với hoạt động sản xuất và xây dựng.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014: 21.246 VND/USD

30/06/2015: 21.673 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm các loại thuế gián thu, như thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế, phí gián thu khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8.151.885	17.044.066
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.872.519.520	1.477.278.180
Các khoản tương đương tiền (*)	34.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	63.880.671.405	5.494.322.246

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thầu phụ thi công cảnh quan	83.729.820	
Cộng	83.729.820	0

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn và dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.669.775.868	1.340.721.868
Trả trước cho người bán dài hạn		
Cộng	3.669.775.868	1.340.721.868

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu	34.809.202.462	16.586.675.871
Tạm ứng cổ tức năm 2011 theo NQ ĐHCĐ 2012	25.657.160.000	25.657.160.000
Phải thu bán CP Đại Á	35.550.900.000	42.000.000.000
Tạm ứng chi phí công tác cho nhân viên	536.347.740	194.161.258
Phải thu khác	16.746.328	18.218.701
Cộng	96.570.356.530	84.456.215.830

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm trở lên không có khả năng thu hồi.

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	12.837.693.174	12.746.523.775
Công cụ, dụng cụ	71.589.531	73.585.531
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (vườn ươm)	5.103.785.663	4.944.969.611
Thành phẩm (cao su RSS3)	998.458.252	2.162.326.697
Hàng hóa (cây cao su)	16.984.305.252	17.025.975.099
Cộng	35.995.831.872	36.953.380.713

7. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
CPTT ngắn hạn	212.237.990	1.436.912.375	(313.144.022)	1.336.006.343
Bộ phận VP Cty	0	1.423.682	(1.423.682)	0
Bộ phận SX cao su	174.570.926	1.394.927.306	(291.118.214)	1.278.380.018
Bộ phận cây xanh	37.667.064	40.561.387	(20.602.126)	57.626.325
CPTT dài hạn	2.186.458.282	280.890.200	(274.744.600)	2.192.603.882
Bộ phận VP Cty	203.462.928	3.996.500	(65.315.719)	142.143.709
Bộ phận SX cao su	1.935.609		(1.935.609)	0
Bộ phận CNTp.HCM	383.866.248		(207.493.272)	176.372.976
Khu 1D - Dự án	1.597.193.497	256.893.700		1.854.087.197
Khu 1F - Dự án		20.000.000		20.000.000
Cộng	2.398.696.272	1.717.802.575	(587.888.622)	3.528.610.225

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Phải thu về cho vay dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho vay dài hạn (*)	305.543.840.107	385.543.840.107

(*) Khoản cho Tổng Công ty Tín Nghĩa vay có thời hạn trên 12 tháng, lãi suất tại thời điểm 30/06/2015 là 9,625%/năm.

9. Phải thu dài hạn khác

Tiền đặt cọc thuê văn phòng Chi nhánh TP .HCM.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.203.377.897	455.111.363	4.816.922.372	328.549.681	17.803.961.313
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Mua sắm trong kỳ					-
- ĐTXDCB hoàn thành trong					-
- Phân loại, trình bày lại				-	-
Số giảm trong kỳ	-				-
- Phân loại, trình bày lại					-
- Thanh lý trong kỳ					-
Số cuối kỳ	12.203.377.897	455.111.363	4.816.922.372	328.549.681	17.803.961.313
Trong đó					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.468.098.062	436.322.363	2.909.897.768	285.019.369	8.099.337.562
Khấu hao trong kỳ	627.183.528	18.789.000	329.450.304	11.871.900	987.294.732
Thanh lý trong kỳ					0
Số cuối kỳ	5.095.281.590	455.111.363	3.239.348.072	296.891.269	9.086.632.294
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.735.279.835	18.789.000	1.907.024.604	43.530.312	9.704.623.751
Số cuối kỳ	7.108.096.307	0	1.577.574.300	31.658.412	8.717.329.019

11. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Khu dự án Lilama	3.447.909.266	195.207.114	3.643.116.380
Dự án KDC Phú Thạnh - Long Tân	1.244.811.987.119	43.982.955.378	1.288.794.942.497
- Quyền sử dụng đất	772.530.418.118	8.541.053.728	781.071.471.846
- Chi phí đầu tư xây dựng	472.281.569.001	35.441.901.650	507.723.470.651
Cộng	1.248.259.896.385	44.178.162.492	1.292.438.058.877

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư mua 4.000.000 cổ phiếu của Công ty XD & TM Phước Tân với tổng giá trị là 28.000.000.000 đồng và nắm giữ 40% vốn điều lệ của Công ty này.

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hợp tác đầu tư với Cty CP Phương Đông	28.374.844.444	28.374.844.444
Hợp tác đầu tư với Cty TNHH Hoàng Trạch	9.927.748.317	9.927.748.317
Cộng	38.302.592.761	38.302.592.761

14. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Phước Tân: (29.773.142)

15. Phải trả người bán ngắn hạn và dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn	1.156.947.860	1.484.303.489
Phải trả người bán dài hạn		
Cộng	1.156.947.860	1.484.303.489

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa		319.282.465		319.282.465
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
Thuế thu nhập cá nhân	23.952.390	82.346.636	45.059.382	61.239.644
Thuế nhà đất		360.687.146	180.343.573	180.343.573
Các loại thuế khác		4.577.243	4.517.158	60.085
Cộng	23.952.390	766.893.490	229.920.113	560.925.767

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cây xanh, cây cao su, mủ cao su chưa qua chế biến: Không chịu thuế
- Mủ cao su đã qua sơ chế: 5%
- Xây dựng: 10%

17. Phải trả người lao động

Lương tháng 06/2015 còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	198.363.584.478	167.034.398.785
Trích trước tiền lương nghỉ phép của CB.NV		36.177.595
Cộng	198.363.584.478	167.070.576.380

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	9.373.740	12.562.558
Bảo hiểm xã hội	174.632.405	183.759.831
Bảo hiểm y tế	20.057.707	29.331.978
Bảo hiểm thất nghiệp	8.674.184	13.082.257
Tiền đặt cọc mua đất	340.000.000	430.000.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	210.600.000	510.600.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.500.000.000	
Phải trả phải nộp khác	154.453.926	102.214.641
Cộng	2.417.791.962	1.281.551.265

20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn và dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	847.200	847.200
Khoản tiền thu trước của khách hàng mua đất sỏi đỏ	847.200	847.200
Người mua trả tiền trước dài hạn	3.981.319.523	5.343.116.110
Khoản tiền thu trước của khách hàng theo hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng nhà ở.	3.981.319.523	5.343.116.110
	3.982.166.723	5.343.963.310

21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Trái phiếu phát hành với mệnh giá 1.000.000.000 đồng, kỳ hạn 5 năm để đầu tư vào dự án khu dân cư Đông Sài Gòn (trước đây là KDC Phú Thạnh – Long Tân). Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 700.522 m² đất ở lâu dài (có thu tiền sử dụng đất). Chi tiết như sau:

	Ngày phát hành	Số lượng	Giá trị (VNĐ)	Ngày đáo hạn theo HĐ
Đợt 1:	18/08/2009	500	500.000.000.000	18/08/2014
Đợt 2:	24/12/2009	500	500.000.000.000	24/12/2014
Cộng		1.000	1.000.000.000.000	

Ngày 02/03/2015, Công ty ký kết các phụ lục gia hạn nợ gốc và nợ lãi trái phiếu như sau:

- Phụ lục số 01 của hợp đồng mua bán trái phiếu số 01-01/2009/HĐNTMBTP/2009/GP.BANK-NIC ngày 02/03/2015 về việc gia hạn nợ gốc trái phiếu (số tiền 500 tỷ đồng) từ ngày 18/08/2014 đến 18/08/2018; gia hạn nợ lãi trái phiếu của kỳ trả lãi từ ngày 18/08/2013 đến 18/08/2014, thời gian gia hạn từ 18/08/2014 đến 31/12/2015 và trong quá trình gia hạn nợ lãi, không tính lãi phát sinh của khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nợ lãi được gia hạn và Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch có thể trả nợ một phần hoặc toàn bộ trước thời điểm đến hạn.

Ngày đáo hạn của trái phiếu là 18/08/2018, tổng mệnh giá trái phiếu mua lại tối đa là 500 tỷ đồng.

Lãi trả vào ngày 18/08 hàng năm, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 18/08/2015.

Lãi suất của các kỳ tính lãi gia hạn: Lãi suất tính lãi gia hạn từ ngày 18/08/2014 đến hết ngày 30/09/2014 là 11,5%/năm, lãi suất tính lãi gia hạn từ ngày 01/10/2014 đến hết ngày 17/02/2015 là 11%/năm.

- Phụ lục số 01 của hợp đồng mua bán trái phiếu số 02-01/2009/HĐNTMBTP/2009/GP.BANK-NIC ngày 02/03/2015 về việc gia hạn nợ gốc trái phiếu (số tiền 500 tỷ đồng) từ ngày 24/12/2014 đến 24/12/2018; gia hạn nợ lãi trái phiếu của kỳ trả lãi từ ngày 24/12/2012 đến và bao gồm ngày 23/12/2013 và kỳ trả lãi từ ngày 24/12/2013 đến và bao gồm ngày 23/12/2014, thời gian gia hạn từ 24/12/2014 đến 31/12/2015 và trong quá trình gia hạn nợ lãi, không tính lãi phát sinh của khoản nợ lãi được gia hạn và Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch có thể trả nợ một phần hoặc toàn bộ trước thời điểm đến hạn.

Chi tiết lịch trả nợ gốc trái phiếu:

- + Chậm nhất đến ngày 31/12/2016, mua lại tối thiểu 100 tỷ đồng;
- + Chậm nhất đến ngày 31/12/2017, mua lại tối thiểu 200 tỷ đồng;
- + Chậm nhất đến ngày 24/12/2018, mua lại tối thiểu 200 tỷ đồng.

Lãi trả vào ngày 24/12 hàng năm, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 24/12/2015.

Lãi suất của các kỳ tính lãi gia hạn: Lãi suất tính lãi gia hạn kỳ đầu tiên là 11%/năm.

Lãi suất các kỳ tiếp theo của 2 phụ lục hợp đồng nêu trên thay đổi 06 tháng/lần, áp dụng lãi suất bằng lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả cuối kỳ áp dụng đối với đồng Việt Nam (trong trường hợp ngân hàng không công bố lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ áp dụng đối với đồng Việt Nam thì sử dụng loại hình huy động lãi tiền gửi khác có kỳ hạn tương đương) công bố tại bốn ngân hàng thương mại tại Hà Nội bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở Giao dịch 1), Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch) vào ngày xác định lãi suất hàng năm, cộng với lãi suất biên 3,5%/năm.

22. Vốn chủ sở hữu**Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	(4.710.000.000)	2.720.021.642	16.673.869.216	674.683.890.858
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(9.261.762.758)	(9.261.762.758)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	660.000.000.000	0	2.720.021.642	7.412.106.458	665.422.128.100
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	(4.710.000.000)	2.720.021.642	7.412.106.458	665.422.128.100
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(4.194.884.422)	(4.194.884.422)
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	660.000.000.000	(4.710.000.000)	2.720.021.642	3.217.222.036	661.227.243.678

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 02	Lũy kế đến cuối kỳ	Quý 02	Lũy kế đến cuối kỳ
Tổng doanh thu	5.158.691.764	5.833.873.112	672.715.100	2.468.465.100
- Doanh thu từ cây cao su	33.733.787	46.295.392	13.440.000	22.920.000
- Doanh thu từ mù cao su RSS3 và mù tạp	5.072.036.000	5.119.036.000	22.470.000	1.784.170.000
- Doanh thu từ cây xanh và thi công cảnh quan bên ngoài	52.921.977	668.541.720	330.073.100	354.643.100
- Doanh thu bán đất sỏi đỏ		0	306.732.000	306.732.000
Các khoản giảm trừ doanh thu		0		0
Doanh thu thuần	5.158.691.764	5.833.873.112	672.715.100	2.468.465.100

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 02	Lũy kế đến cuối kỳ	Quý 02	Lũy kế đến cuối kỳ
- Giá vốn cây cao su	29.108.242	41.669.847	13.440.000	22.920.000
- Giá vốn của mù cao su RSS3 và mù tạp	4.087.179.673	4.134.179.673	22.470.000	1.293.582.604
- Giá vốn của cây xanh và thi công cảnh quan bên ngoài	61.262.129	496.180.888	330.073.100	354.589.447
- Giá vốn của đất sỏi đỏ				
Cộng	4.177.550.044	4.672.030.408	365.983.100	1.671.092.051

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 02	Lũy kế đến cuối kỳ	Quý 02	Lũy kế đến cuối kỳ
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.437.484	21.969.908	8.789.350	17.920.012
Lãi chậm thanh toán	1.530.900.000	1.530.900.000		
Cộng	1.540.337.484	1.552.869.908	8.789.350	17.920.012

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 02	Lũy kế đến cuối kỳ	Quý 02	Lũy kế đến cuối kỳ
Chi phí nhân viên quản lý	182.024.070	433.368.475	289.946.539	566.147.299
Chi phí nguyên,vật liệu, bao bì	626.500	4.327.900		4.334.726
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	103.746.636	208.951.292	94.551.347	186.447.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	253.433.610	493.533.406	284.657.011	506.151.534
Chi phí bằng tiền khác	21.272.741	91.014.161	217.326.687	240.664.606
Cộng	561.103.557	1.231.195.234	886.481.584	1.503.745.940

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 02	Lũy kế đến cuối kỳ	Quý 02	Lũy kế đến cuối kỳ
Chi phí nhân viên quản lý	1.037.384.062	2.962.639.314	1.019.415.979	2.011.956.747
Chi phí vật liệu quản lý	12.105.200	21.681.246	11.957.400	28.241.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.780.125	61.457.219	22.844.946	71.091.656
Chi phí khấu hao TSCĐ	482.510.463	965.020.926	494.310.788	985.350.515
Thuế, phí, lệ phí	391.169.133	415.605.272	385.462.584	412.675.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	381.797.524	536.057.843	335.387.883	627.320.365
Chi phí bằng tiền khác	451.346.106	716.053.380	328.900.808	665.092.308
Cộng	2.784.092.613	5.678.515.200	2.598.280.388	4.801.728.529

6. Thu nhập khác

	Lũy kế đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tiền bán điện bên ngoài, khác	2.885.400	205.159.392
Cộng	2.885.400	205.159.392

7. Chi phí khác

Thu tiền điện tại Xưởng cưa đá Long Tân.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 02	Lũy kế đến cuối kỳ	Quý 02	Lũy kế đến cuối kỳ
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(823.603.566)	(4.194.884.422)	(3.204.444.301)	(5.524.484.637)
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.				
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(823.603.566)	(4.194.884.422)	(3.204.444.301)	(5.524.484.637)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	65.686.000	65.686.000	65.686.000	65.686.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(13)	(64)	(49)	(84)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Đường số 7, KĐT Đông Sài Gòn, Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai

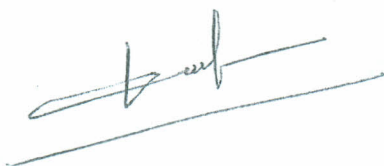
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 02	Lũy kế đến cuối kỳ	Quý 02	Lũy kế đến cuối kỳ
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(823.603.566)	(4.194.884.422)	(3.204.444.301)	(5.524.484.637)
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.				
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(823.603.566)	(4.194.884.422)	(3.204.444.301)	(5.524.484.637)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	65.686.000	65.686.000	65.686.000	65.686.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(13)	(64)	(49)	(84)

Nhơn Trạch, ngày 10 tháng 07 năm 2015

**Khương Nguyễn Đức Huy**
Kế toán trưởng**Nguyễn Văn Hồng**
Tổng Giám đốc